

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/06/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PBDA+VSP01	7:25	16+4	0+0		15+6	0+0	
2		TD1+P5	7:25	22+0	0+0		15+7	0+0	
3		RP3+TD3	7:25	5+17	0+0		2+20	0+0	
4		CL1+TD1	9:25	18+4	0+0		12+10	0+0	
5		SAVR+CL1	9:25	9+12	0+0		8+14	0+0	
6		P9+P8	9:25	5+17	0+0		0+21	0+0	
7		TD2	10:15	19	0		19	0	EC225
8		TD2	11:25	17	0		19	0	Puma
9		PBDA+TD1	11:25	4+16	0+0		2+18	0+0	
10		TD3+P6	14:00	10+7	0+0		9+9	0+0	ec225

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày BK8-1ng (PBDA), TD3-1ng, td2-5ng



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: PBDA - VSP01	CREW: XHOÀN - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/2559	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN NGỌC HÙNG	PBDA	44	1	14	4	67	78	MINH MINH	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG HÒA	PBDA	24	1	14			75	XNK	Vietnamese
3	MAMAEV M.R	PBDA	37-38	2	10			112	XNK	Russian
4	ĐỖ XUÂN CÔNG	PBDA	50	1	5			52	SGC	Vietnamese
5	ABAKUMOV VIACHESLAV	PBDA	25-26	2	12			87	AMHGP	Russian
6	MOSHKIN SERGEI	PBDA	22-23	2	19			80	AMHGP	Russian
7	KAIROV SAGIT	PBDA	30-31	2	11			72	AMHGP	Russian
8	LINKOV VLADISLAV	PBDA	33-34	2	9			80	AMHGP	Russian
9	SHITOV SERGEI	PBDA	28-29	2	10			91	AMHGP	Russian
10	KABITSYN DANIIL	PBDA	32	1	8			86	AMHGP	Russian
11	SELIVANOV VLADISLAV	PBDA	35-36	2	18			82	AMHGP	Russian
12	HANCOCKMARTIN JOSEPH	PBDA	20	1	10	1	14	95	AMHGP	Australian
13	BULLMANBRUCERODNEY	PBDA	19,27	2	16			83	AMHGP	Australian
14	TRUSHIN DENIS	PBDA	16,18	2	10			68	AMHGP	Russian
15	NGUYỄN XUÂN THÀNH	PBDA	40-41	2	8			51	MINH MINH	Vietnamese
16	HÀ ĐỨC THÀNH	PBDA	42-43	2	13			65	MINH MINH	Vietnamese
17	TRUBOCHKIN A.A	VSP01	86-87	2	9			81	KH-THAC	Russian
18	LA THÀNH	VSP01	92-93	2	15			85	YTE	Vietnamese
19	PHẠM HUY ĐẦU	VSP01	88	1	5			70	PSV	Vietnamese
20	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP01	89-91	3	18			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	16	1.257	27	187	5	81	15		
2	VSP01	4	302	8	47	0	0	6		
TOTAL		20	1.559	35	234	5	81	21		
WEIGHT KG			1.559		234		81			

GRAND TOAL: 1.874 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM - 1	TO: TD1 - P5	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/2562	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	25	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
2	BADRETDINOV EDGAR	TD1	74	1	4	3	45	76	KHOAN	Russian
3	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1						76	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN TRỌNG	TD1	51,73	2	10			73	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	22	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN HOÀN	TD1	95	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH ANH TRƯỞNG	TD1	26	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN SÁNG	TD1	27-28	2	14			65	KHOAN	Vietnamese
9	BÙI VĂN NINH	TD1	17-18	2	13			79	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC DŨNG	TD1	95	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
11	ĐOÀN TUẤN TÚ	TD1	91-92	2	12			71	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC THÁI	TD1	15	1	9			83	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG NGỌC SƠN	TD1	21	1	2			57	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THIÊN TUẤN	TD1	20	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
15	LẠI ĐỨC LÂM	TD1	23-24	2	11			72	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN HUY	TD1	19	1	2			68	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN MẠNH TIỆP	TD1	93	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN KHÁNH	TD1	05	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
19	HOÀNG MINH SƠN	TD1	096	1	12			73	ANTOAN	Vietnamese
20	MAI ANH TUẤN	TD1	96-97	2	14			74	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	94	1	2			65	KHOAN	Vietnamese
22	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	16	1	6			67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	22	1.550	27	150	3	45	15		
2	P5	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	1.550	27	150	3	45	22		
WEIGHT KG			1.550		150		45			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: RP3 - TD3	CREW: LINH - HTRUNG - NNAM	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/2564	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ ANH NGUYỄN	RP3	66	1	8	1	15	60	KHOAN	Vietnamese
2	ĐÀO CHÍ THANH	RP3	98	1	11			81	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HỮU	RP3	97,200	2	20			65	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN HỮU TRÍ	RP3	99	1	12			86	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀNG MINH	RP3	199	1	9			74	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN HẢI	TD3	90	1	8	3	30	79	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN HỮU THỌ	TD3	84	1	10			81	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM HÙNG DƯƠNG	TD3	82	1	3			98	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	83	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
10	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	588	1	8	3	50	51	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN CHÍ QUÝ	TD3	01-02	2	9			72	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN QUÂN	TD3	81	1	8			56	KHOAN	Vietnamese
13	LÂM VĂN ĐẠT	TD3	589-590	2	13			74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	80	1	6			84	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3	88	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÀO LÊ XUÂN SƠN	TD3	91	1	9			71	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN TRỌNG BẰNG	TD3	92	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3						78	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN THÀNH	TD3	86-87	2	19			63	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD3	89	1	15			70	ANTOAN	Vietnamese
21	LÊ MẠNH HÙNG	TD3						71	ANTOAN	Vietnamese
22	PHẠM DƯƠNG HẢI	TD3	85	1	5			67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	5	366	6	60	1	15	2		
2	TD3	17	1.229	18	126	6	80	20		
TOTAL		22	1.595	24	186	7	95	22		
WEIGHT KG			1.595		186		95			

GRAND TOAL: 1.876 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
B.CARD: CAM - 2	TO: CLI - TD1	CREW: KHOAN - MTHAO - MUÂN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/2560	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN CÔNG LÂM	CLI	83-84	2	11			71	KH-THAC	Vietnamese
2	KHOROSHENKOV A.	CLI	92	1	9			77	KH-THAC	Russian
3	TRƯƠNG HIỀN	CLI	76	1	10			88	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HỮU DƯƠNG	CLI	94-95	2	8			65	KH-THAC	Vietnamese
5	KHAVANZHAN R.	CLI	88-89	2	12			79	KH-THAC	Russian
6	VŨ MINH TIỀN	CLI	85-87	3	20			66	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TUÂN	CLI	72	1	18			74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG NGẠN	CLI	90	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ ĐÌNH VĂN	CLI	91	1	1			73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT HÓA	CLI	79	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	93	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
12	ARTIUSHIN	CLI	77	1	12			84	ANTOAN	Russian
13	NGUYEN DUC DUNG	CLI	56-57	2	9			104	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU THÔNG	CLI	73-74	2	18			74	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ DUY CƯỜNG	CLI	80	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
16	HUỖNH TRỌNG KIM	CLI	78	1	17			78	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ANH VIỆT	CLI	75	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	CLI	81-82	2	16			81	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	06	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	07	1	6			88	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ QUÝ VINH	TD1	08	1	5	2	14	74	KHOAN	Vietnamese
22	LE VIET THANH	TD1	11-12	2	6			75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLI	18	1.376	26	184	0	0	13		
2	TD1	4	317	5	21	2	14	9		
TOTAL		22	1.693	31	205	2	14	22		
WEIGHT KG			1.693		205		14			

GRAND TOAL: 1.912 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYEN THUC HA

NGUYEN THI KIEU THU

ĐỖ XUÂN HOÀN
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: SAVR - CLI	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05	VNHS FLIGHT: TM26/2563		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HỒ VĂN RÔN	SAVR	77	1	10	1	12	79	XNK	Vietnamese
2	TRẦN ĐẮC LIÊM	SAVR	79	1	13			87	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TÙNG	SAVR	80	1	12	3	89	69	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY KHÁNH	SAVR	78	1	11			75	ANTOAN	Vietnamese
5	KUZNETSOV PAVEL	SAVR	75-76	2	13			88	AMHGP	Russian
6	NGUYỄN BÁ TUẤN	SAVR	84	1	7			53	AMHGP	Vietnamese
7	PHẠM TRÍ DŨNG	SAVR	81	1	6	2	22	61	BAKER HUGHES	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY DƯƠNG	SAVR	72	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
9	CHU HẢI MINH	SAVR	73-74	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN NHÂN	CLI	69	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THÀNH LONG	CLI	64	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI PHÚC LINH	CLI	68	1	3			79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH DÂN	CLI	61	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN THỦY	CLI	62	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH BÌNH	CLI	65	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NHẬT HÙNG CƯỜNG	CLI	71	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LINH	CLI	66-67	2	10			51	Y-TE	Vietnamese
18	ĐẶNG ĐỨC ANH	CLI	58-59	2	15			61	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	CLI	63	1	6			72	PSV	Vietnamese
20	HOÀNG QUỐC VIỆT	CLI	55	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	9	643	11	104	6	123	9		
2	CLI	11	740	13	79	0	0	13		
TOTAL		20	1.383	24	183	6	123	22		
WEIGHT KG			1.383		183		123			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO: P9 - P8	CREW: LINH - HTRUNG - NNAM	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06	VNHS FLIGHT: TM26/2565		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BÙI KIẾN ĐỨC	P9	78-79	2	8			91	SGC	Vietnamese
2	ĐẶNG MINH QUÂN	P9	80-82	3	15	2	40	61	SGC	Vietnamese
3	ĐẶNG THÀNH TRUNG	P9	83	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ XUÂN THẮNG	P9	84	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG VĂN PHỐ	P9	85	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN XUÂN	P8	21-22	2	11			59	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG THỦY	P8						68	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐÀM	P8	24	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
9	BẢO NGUYỄN LỘC	P8	28-29	2	13			59	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU NAM	P8	18	1	3			82	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN THẾ	P8	31	1	8			67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HUỖNH	P8	32	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
13	VY NGỌC CHU	P8	19	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN SƠN	P8	20	1	8	3	60	56	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT MINH	P8	36	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC ỒN	P8	23	1	4			53	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN TUẤN LONG	P8	33	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	P8	25	1	8			71	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P8	26-27	2	19			64	DVL	Vietnamese
20	ĐỖ MINH HOÀNG	P8	30	1	15			75	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN THIỆU BÌNH	P8	34-35	2	20			55	DVL	Vietnamese
22	HOÀNG VĂN TRỌNG	P8	17	1	6			98	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	5	370	8	33	2	40	3		
2	P8	17	1.149	20	139	3	60	19		
TOTAL		22	1.519	28	172	5	100	22		
WEIGHT KG			1.519		172		100			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 10:15
B.CARD: NAU-2	TO: TD2	CREW: NAM - TRƯỞNG	ETA: 13:20
VSP FLIGHT: 7	VNHS FLIGHT: TM26/2567		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN THÁI SƠN	TD2				2	16	86	ĐIỀU HÀNH	Vietnamese
2	PHAM VAN HUNG	TD2	02-03	2	8			65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC TOAN	TD2	89	1	6			85	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	TD2						80	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN NAM	TD2						69	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ XUÂN TÙNG	TD2						62	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2						77	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ QUANG CƯỜNG	TD2	94	1	3			80	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC QUÂN	TD2	85-86	2	10			64	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	95	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN MAI NAM	TD2	92	1	9			79	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM THANH GIANG	TD2	91	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ BÁ CHIẾN	TD2	87-88	2	9			76	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	90	1	6			57	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ THẬP TOÀN	TD2						66	KHOAN	Vietnamese
16	HOÀNG XUÂN KIÊN	TD2	93	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN KHẮC HÀ TRUNG	TD2	99,600,01	3	16			75	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ HẢI SƠN	TD2	96	1	4			83	KHOAN	Vietnamese
19	LƯƠNG ĐỨC MINH	TD2	97-98	2	8			65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	19	1.386	19	98	2	16	19		
TOTAL		19	1.386	19	98	2	16	19		
WEIGHT KG			1.386		98		16			

GRAND TOAL: 1.500 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

TRẦN HỒNG NAM
DƯƠNG VĂN TRƯỞNG

☐
☐

XN KHOAN & SỬA GIẾNG
GKTN TAM ĐẢO 02
Điện thoại: 1992

Đường bay:
TD2

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Ngày: 11/06/2026	Departure	TĐ02	Số hiệu máy bay		Giờ cất cánh (VT)	10:30:00
Chuyến bay: 01	Destination	Vung Tau	Tổ bay		Giờ hạ cánh	

Hành Khách

STT	Tên hành khách	Hộ chiếu/ CMND	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	Kg
1	Phạm Viết Dũng	18943	Đốc công khoan	XN Khoan	Viet Nam	1	6	65
2	Vương Đình Liên	11797	Kíp trưởng khoan	XN Khoan	Viet Nam	1	3	59
3	Nguyễn Trọng Tuấn	21028	Thợ phụ khoan	XN Khoan	Viet Nam	1	7	74
4	Doãn Văn Hưng		Thợ phụ khoan	XN Khoan	Viet Nam	1	4	54
5	Cao Văn Lợi	18446	Thợ nguội	XN Khoan	Viet Nam	1	6	68
6	Nguyễn Vĩnh Tính		Thợ nguội	XN Khoan	Viet Nam	1	2	53
7	Cao Đức Viện	17706	Kỹ sư điện	XN Khoan	Viet Nam	1	4	61
8	Vũ Văn Đoài	17068	Thợ điện	XN Khoan	Viet Nam	1	6	76
9	Nguyễn Duy Kiên	18733	Thợ diesel	XN Khoan	Viet Nam	1	6	77
10	Lê Xuân Phương	11666	Thợ diesel	XN Khoan	Viet Nam	1	6	70
11	Nguyễn Văn Phong	11116	Đài trưởng	XN Khoan	Viet Nam	0	0	66
12	Võ Sĩ Minh Tân	21220	Thợ lái cầu	XN Khoan	Viet Nam	0	0	59
13	Lê Trường Lâm	18239	Kỹ sư Máy lạnh	XN Khoan	Viet Nam	1	4	76
14	Phạm Tiến Vinh		KSDD	XN Khoan	Viet Nam	1	14	86
15	Đỗ Văn Tuấn	11909	CV Cơ khí	XN Khoan	Viet Nam	1	8	68
16	Lê Anh Sơn	066088004994	Dung dịch	DMC - MI	Viet Nam	2	12	71
17	Bạch Thiện Hoài Nhân	079099030382	Dung dịch	DMC - MI	Viet Nam	2	8	62
18	Dương Tấn Việt	036073009038	Công Nhân	DMC-MI	Viet Nam	1	11	69
19	Phit sanuphong	AC 6832583	Công Nhân	DMC-MI	Thailand	2	16	60
Σ	19					20	123	1274

Hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số kiện	Trọng lượng (Kg)
1				
2				

Người lập

Đại diện gián

Phi công trưởng

Mô tả	S.L.	Trọng lượng
Hành khách	19	1274
Hành lý	20	123
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	39	1397



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:30
B.CARD: CAM-3	TO: TD2	CREW: ATUẤN - VLINH	ETA: 14:40
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/2568	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	GREBENKIN M.I	TD2	66-67	2	20	1	6	95	GGEO	Russian
2	LÊ CÔNG LUẬN	TD2	56	1	5	2	25	74	DMC-MI	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH THUẬN	TD2	69	1	9			57	DMC-MI	Vietnamese
4	NGÔ QUANG HÙNG	TD2	59-60	2	18			79	KHOAN	Vietnamese
5	NOROV DENIS	TD2	54	1	16			83	KHOAN	Russian
6	ĐINH DUY HẢI	TD2	62	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM LÊ NAM	TD2	73	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	TD2	53	1	10			80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	55	1	2			54	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH VĂN HUẤN	TD2	52	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN DUẬN	TD2	50	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT TÙNG	TD2	61	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM ĐÌNH LỢ	TD2	49	1	8			60	KHOAN	Vietnamese
14	ZAGRUTDINOV R.F.	TD2	64	1	6	1	22	84	GGEO	Russian
15	SUSTAVOV V.S.	TD2	63	1	10			119	D-HANH	Russian
16	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD2	51	1	6			72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	16	1.209	18	138	4	53	19		
TOTAL		16	1.209	18	138	4	53	19		
WEIGHT KG			1.209		138		53			

GRAND TOAL: 1.400 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN

TRỊNH VINH LINH



Fuel: Pilot

XN KHOAN & SỬA GIÈNG
GKTN TAM ĐẢO 02
Điện thoại: 1992

Đường bay:
TD2

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Ngày: 11/06/2026	Departure	TD02	Số hiệu máy bay	646	Giờ cất cánh (VT)	11:25:00
Chuyến bay: 02	Destination	Vung Tau	Tổ bay		Giờ hạ cánh	

Hành Khách

STT	Tên hành khách	Hộ chiếu/ CMND	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	Kg
1	Nguyễn Thái Sơn		P.TGD VSP	Điều hành	Viet Nam	0	0	86
2	Nguyễn Đức Tiến		PGĐ XNK	XN Khoan	Viet Nam	0	0	80
3	Phạm Văn Nam		Trưởng dự án	XN Khoan	Viet Nam	0	0	69
4	Lê Xuân Tùng		Ks	XN Khoan	Viet Nam	0	0	62
5	Hoàng Văn Trung	18501	Kỹ sư Cơ khí	XN Khoan	Viet Nam	1	8	67
6	Nguyễn Văn Bảo	17640	Thuyền Trưởng	XN Khoan	Viet Nam	1	8	72
7	Trịnh Quốc Khánh	18863	Kỹ sư điện	XN Khoan	Viet Nam	1	2	71
8	Quách Văn Cừ	18870	Thợ hàn	XN Khoan	Viet Nam	1	8	66
9	Lê Hữu Hậu	18241	Thợ BTXM	XN Khoan	Viet Nam	0	0	65
10	Lê Hùng Cường	17074	Thợ tiện	XN Khoan	Viet Nam	1	7	98
11	Nguyễn Tiến Đại	PVD	Thợ móc cáp	XN Khoan	Viet Nam	1	8	60
12	Dương Minh Việt (*)	17908	KS ĐVL	XN ĐVL	Viet Nam	1	6	65
13	Trần Bá Đức	21720	KS ĐVL	XN ĐVL	Viet Nam	1	16	83
14	Phạm Văn Hiếu	108604448	DK viên	XN Khai Thác	Viet Nam	1	6	60
15	Phạm Văn Huy	360870094	KS Mermaid	XN Khai Thác	Viet Nam	2	22	68
16	Lê Trường Hậu	77080008618	CN Mermaid	XN Khai Thác	Viet Nam	1	7	77
17	Nguyễn Ngọc Minh	40082024330	CN Mermaid	XN Khai Thác	Viet Nam	2	12	66
18	Đỗ Hoàng Trung Đức	CNTT17	KS CNTT	TT CNTT	Viet Nam	2	15	65
19								
Σ	18					16	125	1280

Hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số kiện	Trọng lượng (Kg)
1	Thiết bị Sumomer - ĐVL - Mr Dương Minh Việt (*)	Vũng Tàu	3	48
2				

Người lập

Đại diện giàn

Phi công trưởng

Mô tả	S.L.	Trọng lượng
Hành khách	18	1280
Hành lý	16	125
Hàng hóa	1	48
Tổng cộng	35	1453

TAK / Hoàng



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: PBDA - TD1	CREW: KHOÀN - SON - VŨ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 09	VNHS FLIGHT: TM26/2561		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	MIKHALEV ALEKSANDR	PBDA	07	1	10			98	AMHGP	Russian
2	SHAIKHULIN BULAT	PBDA	06	1	10			87	YUANCHENG	Russian
3	KORENTV ROMAN	PBDA	05	1	8			89	YUANCHENG	Russian
4	DRONIN VLADIMIR	PBDA	03-04	2	18			95	YUANCHENG	Russian
5	TRẦN VĂN TÀI	TD1	13-14	2	10			66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD1	11	1	8			90	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN QUANG	TD1	12	1	10			83	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HOÀI THƯƠNG	TD1	13-14	2	8			55	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ HỮU KẾ	TD1	19-21	3	18			83	KHOAN	Vietnamese
10	NGÔ THUẬN THÀNH	TD1	94	1	10	1	14	74	KHOAN	Vietnamese
11	MAI THẾ HIỀN	TD1	72	1	20			89	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ HUỖNH TRUNG	TD1	3000	1	14			78	KHOAN	Vietnamese
13	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD1	71	1	11			60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD1	98	1	12			82	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN BÁ HÙNG	TD1	76	1	7	3	45	74	QUATEST3	Vietnamese
16	KHIÊU NGUYỄN KHUYNH KHANG	TD1	77	1	7			69	QUATEST3	Vietnamese
17	ĐỖ TIẾN DŨNG	TD1	78	1	7			60	DVL	Vietnamese
18	LÊ NGỌC VINH	TD1	97	1	5			72	PSV	Vietnamese
19	NGÔ VĂN TRỌNG TUẤN	TD1	99	1	5			50	PSV	Vietnamese
20	LÝ XUÂN TRUNG	TD1	15	1	7			66	YTE	Vietnamese
21	LE VAN THINH	TD1	22-23	2	10			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	4	369	5	46	0	0	2		
2	TD1	17	1.214	22	169	4	59	18		
TOTAL		21	1.583	27	215	4	59	20		
WEIGHT KG			1.583		215		59			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHẠM BÁ SƠN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 11/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 14:00
B.CARD: TIM-3	TO: TD3 - P6	CREW: ĐTRUNG - XTRƯỜNG	ETA: 16:00
VSP FLIGHT: 10	VNHS FLIGHT: TM26/2566		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VƯƠNG HỮU QUỐC THÁI	TD3	15	1	11			78	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	20	1	5			83	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG KIÊN	TD3	19	1	8			72	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	12	1	8			67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀNG LONG	TD3	14	1	10			68	DVL	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC CẢNH	TD3	18	1	5			58	PSV	Vietnamese
7	HỒ SỸ THÀNH	TD3	13	1	4			61	PSV	Vietnamese
8	ĐỖ XUÂN CHÍNH	TD3	16-17	2	8			65	PSV	Vietnamese
9	PHAN CHÍNH QUY	TD3	10	1	7			70	PSV	Vietnamese
10	ĐÀO CHÍ ĐỒNG	TD3	11	1	8			67	LONG VŨ	Vietnamese
11	TRẦN DUY TIỀN	P6	45-46	2	17	1	5	71	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG AN	P6	95	1	8			72	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ MẠNH HÙNG	P6	91-92	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN CAO CƯỜNG	P6	47	1	10			68	XAYLAP	Vietnamese
15	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	P6	97-98	2	20	3	40	74	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN THÁI QUÂN	P6	89-90	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG HUY	P6	52-53	2	8			84	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC ANH	P6	88	1	8	1	16	95	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	10	689	11	74	0	0	10		
2	P6	8	588	13	108	5	61	9		
TOTAL		18	1.277	24	182	5	61	19		
WEIGHT KG			1.277		182		61			

GRAND TOAL: 1.520 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG
HÀ XUÂN TRƯỜNG

